TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09/02/2026
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Minh Chiến**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đỗ Thị Hân**

2. Bà **Lê Thị Thu Anh**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Phương Thảo** là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông **Đặng Đức Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 138/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Đoàn Thị Kiều A**, sinh năm 2005.

Nơi thường trú: khu T, phường M, tỉnh Quảng Ninh; căn cước công dân số 022305009006, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/6/2021. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: anh **Vũ Đức B**, sinh năm 1998.

Nơi thường trú: khu N, phường M, tỉnh Quảng Ninh; căn cước công dân số 022098004426, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/8/2023. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại Đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2025 và tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Đoàn Thị Kiều A trình bày: chị và anh Vũ Đức B chung sống với nhau từ năm 2022, đăng ký kết hôn năm 2024 tại UBND phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (nay là UBND phường M, tỉnh Quảng Ninh). Việc chung sống và đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh B tại khu N, phường M, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về lối sống, tính cách, anh B sống không có trách nhiệm, không chăm lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc nợ nần. Tình trạng này kéo dài, anh B không thay đổi, chị không thể tiếp tục chung sống với anh B nên tháng 9/2025 chị Kiều A đã đưa cháu thứ hai về ở cùng

mẹ chị, vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Đức B.

Về con chung: chị Kiều A và anh B có 02 con chung là Vũ Linh Đ, sinh ngày 04/10/2022 và Vũ Gia H, sinh ngày 24/8/2024. Chị Kiều A đề nghị được nuôi con chung Vũ Gia H, con chung Vũ Linh Đ do anh Vũ Đức B nuôi dưỡng. Chị và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: theo nội dung trình bày của chị Kiều A thì vợ chồng chị Kiều A và anh B không có tài sản chung, nợ chung.

Về án phí Tòa án: chị Kiều A tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Bản tự khai ngày 19/01/2026 anh Vũ Đức B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình kết hôn, chung sống và việc vợ chồng anh B và chị Kiều A sống ly thân như các nội dung chị Kiều A đã trình bày. Mặc dù trong cuộc sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, tuy nhiên anh B không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Kiều A vì anh B nghĩ đến con chung.

- Về con chung: anh B và chị Kiều A có 02 con chung như nội dung chị Kiều A đã trình bày. Nguyện vọng của anh vẫn mong chị Kiều A suy nghĩ lại để các con có bố, có mẹ. Tuy nhiên, nếu chị Kiều A kiên quyết ly hôn anh và Tòa án giải quyết cho chị Kiều A ly hôn anh, việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý với nội dung chị Kiều A đã trình bày.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh B thống nhất vợ chồng anh không có như nội dung chị Kiều A đã trình bày.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, được cung cấp: trong thời gian chung sống tại địa phương, mâu thuẫn vợ chồng chị Đoàn Thị Kiều A và anh Vũ Đức B không biểu hiện ra bên ngoài. Đến khoảng tháng 9/2025 chị Kiều A và anh B sống ly thân, chị Kiều A cùng con chung Vũ Gia H về nhà mẹ chị Kiều A ở khu T ở cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, ngoài giao nộp Bản tự khai, anh Vũ Đức B không tham gia các hoạt động tố tụng tại Tòa án, anh B có Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án tuy nhiên có đã có nội dung tự khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Kiều A. Về tình cảm: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị Kiều A đối với anh Vũ Đức B. Về con chung: giao con chung

Vũ Linh Đ, sinh ngày 04/10/2022 cho anh Vũ Đức B trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Vũ Gia H, sinh ngày 24/8/2024 cho chị Đoàn Thị Kiều A trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Về án phí: chị Đoàn Thị Kiều A chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Vũ Đức B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu N, phường M, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh.

Chị Đoàn Thị Kiều A có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Vũ Đức B theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn và Bị đơn đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó Tòa án không hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt Bị đơn khi có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, nội dung bản tự khai của chị Đoàn Thị Kiều A, anh Vũ Đức B và nội dung trình bày của chị Kiều A tại phiên tòa, nội dung xác minh tại chính quyền địa phương, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: năm 2022 chị Đoàn Thị Kiều A và anh Vũ Đức B chung sống với nhau, đến năm 2024 đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo nội dung anh Vũ Đức B trình bày thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngay từ sau khi chị Kiều A sinh cháu Vũ Linh Đ, chị Kiều A cũng đã bỏ về nhà mẹ đẻ, sau đó anh B thuyết phục chị Kiều A mới quay về. Tuy nhiên, sau khi chị Kiều A sinh cháu Vũ Gia H, cuộc sống vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, chị Kiều A cùng cháu Gia H lại về nhà mẹ đẻ chị Kiều A ở. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, chị Kiều A và anh B đã sống ly thân, cả hai không có biện pháp khắc phục, gia đình nội ngoại hai bên cũng không hòa hợp cũng không thiện chí tác động để hai vợ chồng về với nhau. Bản thân anh Vũ Đức B trong nội dung trình bày luôn thể hiện nguyện vọng muốn vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái, nhưng lại không có mặt tham gia hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt, điều này cho thấy không có giải pháp để vợ chồng về đoàn tụ, do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị Kiều A với anh Vũ Đức B.

- Về con chung: cả chị Kiều A và anh Vũ Đức B đều có nội dung trình bày về việc nếu ly hôn, chị Kiều A sẽ trực tiếp nuôi con chung Vũ Gia H, anh B trực tiếp nuôi con chung Vũ Linh Đ; chị Kiều A và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Đây là nội dung thống nhất của Nguyên đơn và bị đơn nên cần ghi nhận thỏa thuận này.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: chị Đoàn Thị Kiều A và anh Vũ Đức B trình bày không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Đoàn Thị Kiều A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Đoàn Thị Kiều A:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Đoàn Thị Kiều A được ly hôn anh Vũ Đức B.

- Về con chung: Giao con chung là Vũ Gia H, sinh ngày 24/8/2024 cho chị Đoàn Thị Kiều A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung là Vũ Linh Đ, sinh ngày 04/10/2022 cho anh Vũ Đức B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Đoàn Thị Kiều A, anh Vũ Đức B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được phép cản trở.

[2] Về án phí: chị Đoàn Thị Kiều A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001624, ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Kiều A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: chị Đoàn Thị Kiều A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Đức B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh
- Phòng THADS khu vực 6 – Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Minh Chiến